

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **66/2024/HS-ST**

Ngày 17 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin và ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị T Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2024/TLST-HS ngày 04/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HS ngày 03/7/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LVH**, sinh năm 2004; nơi cư trú: Bản MP1, xã MP, huyện DB, DB; nghề nghiệp tự do; văn hóa 09/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Thái; tôn giáo: không; con ông LVH (đã chết) và bà LTO, sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: tại Bản án số 37/2022/HS-ST ngày 28/11/2022, Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh DB xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/9/2023); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 06/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh DB xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 222/2021/HSST (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2021). Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh BG. *(Có mặt)*

- Bị hại:

+ Anh LVT, sinh năm 2005; nơi ĐKKHKT: BX, xã PL, huyện DB, tỉnh DB; nơi tạm trú: Thôn QT, xã TP, huyện YD, tỉnh BG. *(Có mặt)*

+ Anh LVC, sinh năm 1995; nơi ĐKKHKT: BNT 1, xã NT, huyện DB, tỉnh DB; nơi tạm trú: Thôn QT, xã TP, huyện YD, tỉnh BG. *(Có mặt)*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh QVK, sinh năm 1989; nơi cư trú: BX, xã PL, huyện DB, tỉnh DB. *(Vắng mặt)*

+ Anh TNT, sinh năm 2002; nơi cư trú: TDP7, phường TT, thị xã VY, tỉnh BG. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Anh QVT, sinh năm 1987; nơi cư trú: BX, xã PL, huyện DB, tỉnh DB. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng cuối tháng 01/2024, LVH đến khu Công nghiệp QC, thị xã VY, tỉnh BG để tìm việc làm. Do chưa tìm được nhà để trọ nên H có đến thôn QT, xã TP, huyện YD, tỉnh BG ở trọ cùng bạn là anh LVT. Vì chưa tìm được công ăn việc làm và cũng chưa có phương tiện đi lại, lợi dụng sự quen biết, H đã nhiều lần mượn xe mô tô của người quen để đi có việc, sau đó không trả mà đem cầm, bán lấy tiền chi dùng cá nhân. Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2024 đến ngày 07/02/2024, H đã nhiều lần thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khi ở nhờ phòng trọ cùng anh LVT ở thôn QT, xã TP, huyện YD, H thấy trong phòng trọ có 01 chiếc xe mô tô dựng ở trong phòng. Đó là xe mô tô biển kiểm soát 27U1 - 076.63 của anh QVK dựng ở trong phòng nhờ anh T trông coi giúp để anh K về quê ăn tết. Khoảng 15 giờ ngày 05/02/2024, H nói với anh T cho H mượn xe mô tô của K để đi ra ngoài có việc, do tin tưởng H, nên anh T đồng ý. Mượn được xe mô tô, H đi xe mô tô đến quán internet tại phường TT, thị xã VY, tỉnh BG để chơi game. Do chơi Game bị hết tiền nên H nảy sinh ý định đem chiếc xe mô tô mượn đi cầm lấy tiền rồi quay sang bên cạnh hỏi một nam thanh niên không quen biết cũng chơi game ở đó là biết ở đâu cầm xe mô tô thì được người thanh niên đó cho biết tại nhà nghỉ XT ở TDP7, phường TT, thị xã VY có người nhận cầm cố xe mô tô. Sau đó, H đi xe mô tô đến nhà nghỉ XT, gặp một người thanh niên tự khai tên TNT là con trai chủ nhà nghỉ, H nói dối là xe mô tô của H rồi cầm xe mô tô cho anh T được 1.500.000 đồng. Khi H quay về phòng trọ, anh T có hỏi xe đâu thì H nói dối là xe đã bị Cảnh sát giao thông tạm giữ hành chính. Sau đó, anh T về quê ăn tết, đến ngày 21/02/2024, anh T quay lại nhà trọ thì được H cho biết đã mang xe mô tô đi cầm nên ngày 21/02/2024 anh T đã làm đơn trình báo. Đối với chiếc xe mô tô 27U1 - 076.63, H khai đem cầm cho anh TNT. Tuy nhiên anh T không thừa nhận có nhận cầm xe mô tô của H, nên cơ quan điều tra không T giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YD, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27U-076.63 là 8.350.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 07/02/2024, khi H đang ở trong phòng trọ của anh LVT thì anh QVT ở phòng trọ bên cạnh có mời H sang ăn uống cùng. Khi sang phòng anh Tường thì H gặp anh LVC cùng ở trọ với anh Tường. Thấy

trong phòng trọ của anh Tường có dựng 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-108.87 của anh C. Thấy anh C tạm thời chưa dùng chiếc xe mô tô để đi lại nên khi ngồi ăn được khoảng 20 phút thì H quay sang hỏi mượn anh C chiếc xe mô tô để làm phương tiện đi lại thì được anh C đồng ý. Sau đó, H đem chiếc xe mượn của anh C về dùng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 15/02/2024, do không có tiền chi dùng cá nhân nên H nảy sinh ý định đem chiếc xe mượn của anh C đi cầm lấy tiền chi dùng cá nhân. H đã đem chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-108.87 mượn của anh C đến nhà nghỉ XT ở TDP7, phường TT, thị xã VY gặp anh TNT và nói dối là xe của H sau đó cầm cho anh T được 6.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm xe, H dùng chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 16/02/2024 (tức sau tết âm lịch), biết H đem xe mô tô của mình cho mượn đem đi cầm nên anh C đi tìm chuộc lại nhưng không được, nên đã làm đơn trình báo. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-108.87 H mượn của anh C, H khai đem cầm cho anh T. Tuy nhiên, anh T không thừa nhận nên cơ quan điều tra không T giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện YD, kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27N1-108.87 là 47.350.000 đồng;

Về trách nhiệm dân sự: Đến nay H chưa bồi thường về trách nhiệm dân sự cho bị hại. Anh LVT yêu cầu H phải bồi thường số tiền 8.350.000 đồng. Anh LVC yêu cầu H phải bồi thường số tiền 47.350.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra, LVH đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 03/06/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố LVH về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và nhất trí bồi thường cho anh LVT số tiền 8.350.000 đồng và bồi thường cho anh LVC số tiền 47.350.000 đồng.

Bị hại anh LVT và anh LVC có mặt tại phiên tòa, nhất trí với lời khai của bị cáo. Anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền 8.350.000 đồng còn anh T sẽ có trách nhiệm bồi thường cho anh QVK. Anh C yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho số tiền 47.350.000 đồng. Cả hai bị hại đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt

bị cáo LVH từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh LVT số tiền 8.350.000 đồng và bồi thường cho anh LVC số tiền 47.350.000 đồng; miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo, bị hại đều nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân nên rất hối hận, bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, không ai có ý kiến hay KH nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét khách quan, đầy đủ, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do mới từ tỉnh DB đến tỉnh BG để tìm việc làm nhưng chưa tìm được công ăn việc làm và cũng chưa có phương tiện đi lại, lợi dụng sự quen biết, H đã nhiều lần mượn xe mô tô của người quen để đi có việc, sau đó không trả mà đem đi cầm cầm, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Với thủ đoạn nêu trên, trong 02 ngày 05/02/2024 và ngày 07/02/2024, H đã 02 lần thực hiện hành vi "Lạm dụng tín chiếm đoạt tài sản" là 02 chiếc xe mô tô của anh LVT, sinh năm 2005, trú tại BX, xã PL, huyện DB, tỉnh DB và của anh LVC, sinh năm 1995, trú tại Bản Na Tông 1, xã Na Tông, huyện DB, tỉnh DB đem cầm, bán được tổng số tiền 7.500.000 đồng dùng ăn tiêu cá nhân hết. Trị giá 02 chiếc xe mô tô H đã chiếm đoạt của anh

T và anh C là 55.700.000 đồng. Đến nay, Cơ quan điều tra không T hồi được tài sản trên.

Quá trình điều tra, truy tố đã chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi và tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ pháp luật.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các vấn đề sau:

[5.1] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người quen để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ thể hiện bị cáo là con người liều lĩnh, manh động và coi thường pháp luật nhất. Hiện nay, loại tội này đang có chiều hướng gia tăng đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[5.2] Xét về nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 37/2022/HS-ST ngày 28/11/2022 của Toà án nhân dân huyện DB, tỉnh DB xử phạt 12 tháng tù và ngày 06/8/2021, bị Toà án nhân dân huyện DB, tỉnh DB xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, coi thường pháp luật.

[5.3] Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích và “phạm tội 02 lần trở lên” nên bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.4] Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, giúp giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm C cho xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên sẽ cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật mà yên tâm cải tạo. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; sau khi ra đầu thú lại bị tạm giam nên Hội đồng xét xử thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đến nay anh LVT yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 8.350.000 đồng, anh LVC yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 47.350.000 đồng là giá trị tài sản của hai chiếc xe bị cáo đã chiếm đoạt là yêu cầu chính đáng và có căn cứ nên cần chấp nhận. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh T và anh C số tiền trên. Nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh T số tiền 8.350.000 đồng và bồi thường cho anh C số tiền 47.350.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

[8] Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27U1 - 076.63 mặc dù là của anh QVK nhưng anh K cho anh LVT mượn và bị cáo chiếm đoạt chiếc xe này từ anh T. Tại phiên tòa, anh T xác định anh T sẽ có trách nhiệm bồi thường cho anh QVK nếu anh K có yêu cầu. Bị cáo cũng đồng ý bồi thường giá trị chiếc xe cho anh T. Đến nay, anh K không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp sau này giữa anh T và anh K có tranh chấp về việc bồi thường đối với chiếc xe trên thì có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án dân sự nếu có yêu cầu.

[9] Đối với việc bị cáo H khai anh TNT là người đã nhận cầm cố 02 chiếc xe mô tô mà bị cáo mà H đã chiếm đoạt của anh T và anh C. Tuy nhiên anh T không thừa nhận. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo đối chất với anh T và cũng đã tiến hành khám xét nơi ở của anh T cũng như tiến hành truy tìm vật chứng là hai chiếc xe mô tô trên nhưng không T hồi được tài sản. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên có quan điều tra chưa có căn cứ xử lý đối với TNT.

[10] Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra còn xác định: Ngày 21/02/2024, H còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 29D1-906.71 để tại cửa hàng nội thất ở thôn CD, xã AL, huyện TN, thành phố HP, chiếc xe mô tô trên đã bị Cơ quan điều tra Công an huyện YD T giữ ngày 22/02/2024. Ngày 06/5/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện YD đã chuyển toàn bộ vật chứng và tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để giải quyết theo quy định, vụ việc đến nay chưa có quyết định giải quyết.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo H do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[12] Ngoài ra cần áp dụng quy định tại Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo LVH **03 (Ba)** năm **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2024.

2. Trách nhiệm dân sự:

2.1. Bị cáo LVH phải bồi thường cho anh LVT số tiền 8.350.000 đồng (*Tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2. Bị cáo LVH phải bồi thường cho anh LVC số tiền 47.350.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo LVH.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị T Hằng